

Bản án số: 218/2023/DS-ST
Ngày 07 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 439/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T : Ông Mai Quốc V – Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Trần Ngọc T – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C (Văn bản ủy quyền số 161/QĐ-NHCS ngày 03/7/2023). (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn Đ , huyện Đ , tỉnh C .

- Bị đơn:

1. Bà Trịnh Tú L , sinh năm 1970.

2. Ông Lê Thanh Đ , sinh năm 1964.

Cùng cư trú tại: Ấp Khai Hoàng Vàm, xã Q , huyện Đ , tỉnh C . (bà L và ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày: Ngân hàng C với bà Trịnh Tú L ký kết hợp đồng vay vốn tín dụng và nợ Ngân hàng các món vay sau:

Theo Sổ khế ước tiền vay 600000715255814 với tổng số tiền vay còn thiếu 42.722.479 đồng, trong đó nợ gốc 38.000.000 đồng, nợ lãi 4.722.479 (tiền lãi tạm tính đến ngày 07/9/2023). Ngày vay 09/5/2019, hạn trả ngày 09/5/2024, lãi suất vay 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

Theo Hợp đồng tín dụng 600000718342629 ngày 04/7/2020 với tổng số tiền vay còn thiếu 41.565.711 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 1.565.711 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 07/9/2023). Ngày vay 05/7/2020, hạn trả ngày 05/7/2025, lãi suất vay 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

Sau khi vay bà L chưa trả tiền gốc, trả tiền lãi được tổng số tiền 17.258.000 đồng. Từ đó đến nay bà L không trả cho Ngân hàng được khoản nào.

Tình trạng món nợ vay: Lãi tồn chưa thanh toán món vay có số khế ước 600000715255814 quá hạn trả nợ gốc theo phần kỳ; lãi tồn chưa thanh toán món vay theo hợp đồng tín dụng 600000718342629 quá hạn trả nợ gốc theo phần kỳ nhưng đến nay bà L chưa thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ của mình để trả dứt điểm lãi và nợ gốc theo phần kỳ cho Ngân hàng C như hồ sơ vay vốn.

Nay, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 84.288.190 đồng. Trong đó nợ gốc 78.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 07/9/2023 số tiền 6.288.190 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến thời điểm tất toán các món nợ.

Đối với bị đơn bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ : Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L và ông Đ theo quy định pháp luật, nhưng bà L và ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân

tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền 84.288.190 đồng. Trong đó nợ gốc 78.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 07/9/2023 số tiền 6.288.190 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến ngày trả hết nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ phải chịu 4.214.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Đ .

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng C khởi kiện bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ trả tiền vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C yêu cầu bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ trả tổng số tiền vay và lãi 84.288.190 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo số khế ước vay Ngân hàng ngày 09/5/2019 số tiền 38.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vay cuối cùng ngày 09/5/2024, lãi suất vay trong hạn 0,6875%/tháng và Hợp đồng tín dụng vay ngày 04/7/2020 số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả cuối cùng ngày 05/7/2025, lãi suất vay trong hạn 0,66%/tháng, lãi suất các khoản vay quá hạn bằng 130% so với lãi suất trong hạn. Các hợp đồng tín dụng này được hai bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, tuân thủ về nội dung và hình thức theo các Điều 385, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực đối với các bên tham gia. Các bên tham gia giao dịch có mọi quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L và ông Đ trả lãi cho Ngân hàng được tổng số tiền 17.258.000 đồng, còn nợ Ngân hàng tiền vốn và tiền lãi đến ngày 07/9/2023 số tiền 84.288.190 đồng. Từ đó bà L và ông Đ không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng và Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà L và ông Đ không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng vay nên đã vi phạm theo khoản 5 Điều 1 của hợp đồng. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L và ông Đ nhưng bà L và ông Đ không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của Ngân hàng nên ông bà chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân

hàng C. Buộc bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 84.288.190 đồng (trong đó nợ gốc 78.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 07/9/2023 số tiền 6.288.190 đồng)

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng C buộc bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến ngày tắt toán theo số khế ước vay tiền 600000715255814 ngày 09/5/2019 và Hợp đồng tín dụng 600000718342629 ngày 04/7/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bà L và ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 4.214.400 đồng (84.288.190 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

1. Buộc bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tính đến ngày 07/9/2023 tổng số tiền 84.288.190 đồng (tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn một trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc 78.000.000 đồng và nợ lãi số tiền 6.288.190 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 07/9/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất

mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Tú L và ông Lê Thanh Đ phải chịu 4.214.400 đồng (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam